

Số: /KH-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 66.22/2026/NQ-CP ngày 09/7/2026 của Chính phủ về phát triển công dân số trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

Thực hiện Nghị quyết số 66.22/2026/NQ-CP ngày 09/7/2026 của Chính phủ về phát triển công dân số (*sau đây viết tắt là Nghị quyết số 66.22/2026/NQ-CP*); Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai, thực hiện Nghị quyết số 66.22/2026/NQ-CP trên địa bàn tỉnh như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Mục đích chung

- Tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời, thống nhất và hiệu quả các nội dung của Nghị quyết số 66.22/2026/NQ-CP; cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh Thanh Hóa nhằm phát huy vai trò của người dân là trung tâm, chủ thể, nguồn lực, mục tiêu và động lực của quá trình chuyển đổi số.

- Phát triển công dân số gắn với phát triển Chính quyền số, kinh tế số và xã hội số; khai thác hiệu quả Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, hệ thống định danh và xác thực điện tử, ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) và các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành nhằm nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp, cải cách thủ tục hành chính và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Đẩy mạnh cung cấp, sử dụng dịch vụ công trực tuyến; khuyến khích người dân tích hợp thông tin, giấy tờ trên ứng dụng VNeID, sử dụng chữ ký số công cộng, thanh toán điện tử và các tiện ích số để thực hiện thủ tục hành chính (TTHC), tiếp cận các chính sách ưu đãi theo quy định của Nghị quyết số 66.22/2026/NQ-CP.

- Xác định rõ trách nhiệm của các sở, ban, ngành, UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong tổ chức triển khai; bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, thống nhất, hiệu quả trong quá trình thực hiện.

b) Mục đích cụ thể

Phát triển công dân số trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa theo hướng toàn diện, bao trùm và bền vững; nâng cao khả năng tiếp cận, khai thác và sử dụng các dịch vụ số của người dân; hình thành thói quen giao dịch trên môi trường số; thúc đẩy sử dụng tài khoản định danh điện tử và ứng dụng định danh điện tử VNeID là nền tảng số thống nhất phục vụ người dân trong thực hiện TTHC, tiếp

cận dịch vụ công, dịch vụ thiết yếu và các tiện ích số; góp phần xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số và nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân. Cụ thể:

- Về phát triển công dân số:

+ Phần đầu đạt hoặc vượt chỉ tiêu các nhiệm vụ được giao tại Phụ lục nhiệm vụ kèm theo Kế hoạch này; nhất là việc tích hợp 05 loại giấy tờ, thông tin cơ bản của công dân (*Giấy khai sinh; Thông tin Thẻ ngân hàng/Tài khoản thanh toán/Vi điện tử/Tài khoản Tiền di động; Thông tin Tài khoản an sinh xã hội; Thông tin sổ thuê bao di động; Sổ sức khỏe điện tử*) trên ứng dụng VNeID theo quy định tại Phụ lục I của Nghị quyết số 66.22/2026/NQ-CP.

+ 100% công dân đủ điều kiện được tuyên truyền, hướng dẫn đăng ký, kích hoạt và sử dụng tài khoản định danh điện tử mức độ 2 theo quy định.

+ Tăng tỷ lệ công dân sử dụng tài khoản định danh điện tử để thực hiện thủ tục hành chính, giao dịch điện tử và sử dụng các tiện ích số.

- Về dịch vụ công trực tuyến:

+ 100% thủ tục hành chính thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết số 66.22/2026/NQ-CP được rà soát, tái cấu trúc quy trình, bảo đảm thực hiện trên môi trường điện tử.

+ 100% Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh được cập nhật, cấu hình để áp dụng chính sách miễn, giảm phí, lệ phí theo quy định của Nghị quyết số 66.22/2026/NQ-CP.

+ Đẩy mạnh tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình; tăng tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết TTHC.

- Về dữ liệu số:

+ Thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống định danh và xác thực điện tử theo hướng dẫn của Bộ Công an.

+ Bảo đảm khai thác hiệu quả dữ liệu đã được số hóa; hạn chế tối đa việc yêu cầu người dân cung cấp lại thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

- Về kỹ năng số:

+ 100% cán bộ, công chức, viên chức trực tiếp giải quyết TTHC được tập huấn về khai thác, sử dụng VNeID, chữ ký số công cộng và các tiện ích số.

+ Các lực lượng tại cơ sở (*Tổ công nghệ số cộng đồng, Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ, lực lượng Công an cấp xã...*) được hướng dẫn, bồi dưỡng kỹ năng hỗ trợ người dân sử dụng các tiện ích công dân số.

- Về bảo đảm an ninh mạng:

+ 100% hệ thống thông tin phục vụ triển khai, thực hiện Nghị quyết số 66.22/2026/NQ-CP được bảo đảm an ninh mạng theo quy định.

+ Không để xảy ra lộ, lọt dữ liệu cá nhân hoặc sự cố nghiêm trọng ảnh hưởng đến việc cung cấp dịch vụ số cho người dân.

2. Yêu cầu

- Việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 66.22/2026/NQ-CP phải bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chính phủ; bảo đảm đúng quy định của pháp luật, phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh Thanh Hóa và gắn với việc thực hiện các nhiệm vụ về chuyển đổi số, cải cách hành chính, Đề án 06 của Chính phủ và các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Người đứng đầu các sở, ban, ngành, đơn vị, UBND cấp xã chịu trách nhiệm trực tiếp trước Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả triển khai các nhiệm vụ được giao; coi kết quả phát triển công dân số là một trong những tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

- Các nhiệm vụ phải được xác định cụ thể về nội dung, sản phẩm, thời hạn hoàn thành, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp; bảo đảm nguyên tắc “6 rõ”: rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền, rõ thời gian, rõ kết quả.

- Bảo đảm mọi người dân đều có cơ hội tiếp cận và sử dụng các dịch vụ số; ưu tiên hỗ trợ người cao tuổi, người khuyết tật, đồng bào dân tộc thiểu số, người có hoàn cảnh khó khăn và các đối tượng yếu thế trong tiếp cận công nghệ số và sử dụng các tiện ích của công dân số.

- Bảo đảm an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân trong toàn bộ quá trình triển khai; việc khai thác, chia sẻ và sử dụng dữ liệu phải đúng quy định của pháp luật.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

- Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết 66.22/2026/NQ-CP ngày 09/7/2026 của Chính phủ quy định về các nguyên tắc phát triển, đối tượng được hưởng các chính sách về phát triển công dân số; quyền lợi và trách nhiệm của công dân số; chính sách của Nhà nước khuyến khích công dân số; phát triển ứng dụng định danh quốc gia; trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ số.

- Kế hoạch này áp dụng đối với các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, UBND cấp xã và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Thời gian: Kế hoạch thực hiện trong thời gian Nghị quyết 66.22/2026/NQ-CP có hiệu lực (*từ ngày 15/8/2026 đến ngày 28/02/2027*).

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện

- Các sở, ban, ngành, đơn vị và UBND cấp xã căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức quán triệt, triển khai đầy đủ các nội dung của Nghị quyết số 66.22/2026/NQ-CP và Kế hoạch này; xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể của

cơ quan, đơn vị, địa phương; xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, tiến độ thực hiện và trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân.

- Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm trực tiếp trước Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả triển khai phát triển công dân số thuộc phạm vi quản lý; đưa kết quả thực hiện các chỉ tiêu phát triển công dân số vào nội dung đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm của cơ quan, đơn vị và người đứng đầu.

- Tăng cường phối hợp giữa các sở, ngành, địa phương trong triển khai các nhiệm vụ liên quan đến chia sẻ dữ liệu, tích hợp tiện ích số, giải quyết TTHC, bảo đảm việc triển khai thống nhất, đồng bộ trên phạm vi toàn tỉnh.

- Kịp thời rà soát, tổng hợp những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện; chủ động đề xuất UBND tỉnh, Bộ Công an và các Bộ, ngành Trung ương hướng dẫn hoặc xử lý theo thẩm quyền.

2. Rà soát, tái cấu trúc quy trình thủ tục hành chính và phát triển dịch vụ công trực tuyến

- Rà soát toàn bộ TTHC thuộc phạm vi quản lý có liên quan đến việc áp dụng các chính sách quy định tại Nghị quyết; ưu tiên các TTHC thuộc Phụ lục II và Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.22/2026/NQ-CP.

- Thực hiện tái cấu trúc quy trình giải quyết TTHC theo hướng khai thác, tái sử dụng dữ liệu đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Hệ thống định danh và xác thực điện tử và các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành; giảm tối đa thành phần hồ sơ giấy, hạn chế yêu cầu người dân kê khai lại các thông tin đã được số hóa.

- Tăng cường các giải pháp để nâng cao tỷ lệ tiếp nhận, giải quyết hồ sơ trực tuyến toàn trình; khuyến khích người dân sử dụng tài khoản định danh điện tử, chữ ký số công cộng và phương thức thanh toán điện tử trong thực hiện TTHC.

3. Phát triển công dân số và mở rộng sử dụng ứng dụng định danh quốc gia (VNeID)

- Tổ chức triển khai đồng bộ các giải pháp phát triển công dân số trên địa bàn tỉnh; đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn người dân đăng ký, kích hoạt, sử dụng tài khoản định danh điện tử mức độ 2 và khai thác hiệu quả các tiện ích trên ứng dụng VNeID.

- Hướng dẫn, hỗ trợ người dân tích hợp đầy đủ các thông tin, giấy tờ theo lộ trình quy định tại Phụ lục I của Nghị quyết số 66.22/2026/NQ-CP, trước hết ưu tiên tích hợp 05 loại giấy tờ, thông tin cơ bản gồm: Giấy khai sinh, thông tin tài khoản thanh toán hoặc ví điện tử, tài khoản an sinh xã hội, thông tin số thuê bao di động và Sổ sức khỏe điện tử.

- Phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương triển khai tích hợp các loại giấy tờ, thông tin chuyên ngành khác trên ứng dụng VNeID theo lộ trình, bảo đảm phục vụ hiệu quả việc giải quyết TTHC và cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

- Khuyến khích người dân sử dụng ứng dụng VNeID làm công cụ chính trong thực hiện TTHC, giao dịch điện tử, thanh toán dịch vụ công, tiếp nhận thông tin từ cơ quan nhà nước và sử dụng các tiện ích số khác theo quy định của pháp luật.

4. Triển khai thực hiện các chính sách khuyến khích phát triển công dân số

- Tổ chức triển khai đồng bộ các chính sách khuyến khích công dân số theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 66.22/2026/NQ-CP; bảo đảm việc áp dụng chính sách đúng đối tượng, đúng điều kiện, công khai, minh bạch, thuận tiện và không làm phát sinh thêm TTHC.

- Đẩy mạnh tuyên truyền để người dân chủ động tích hợp đầy đủ các loại giấy tờ, thông tin trên ứng dụng VNeID theo quy định tại Phụ lục I của Nghị quyết số 66.22/2026/NQ-CP; hướng dẫn người dân sử dụng tài khoản định danh điện tử khi thực hiện TTHC, dịch vụ công trực tuyến để được hưởng các chính sách ưu đãi theo quy định.

- Theo dõi, đánh giá kết quả triển khai các chính sách khuyến khích công dân số; tổng hợp khó khăn, vướng mắc, kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết nhằm bảo đảm việc thực hiện chính sách thống nhất, hiệu quả trên địa bàn tỉnh.

5. Phát triển, kết nối và khai thác hiệu quả dữ liệu số

- Tiếp tục rà soát, chuẩn hóa, số hóa và làm sạch dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của các sở, ngành, địa phương; bảo đảm dữ liệu chính xác, đầy đủ, cập nhật và sẵn sàng kết nối, chia sẻ theo quy định.

- Thực hiện kết nối, đồng bộ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Hệ thống định danh và xác thực điện tử và các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành theo hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương.

- Đẩy mạnh tái sử dụng dữ liệu trong giải quyết TTHC; khai thác dữ liệu để phục vụ công tác quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội và cung cấp các dịch vụ số lấy người dân làm trung tâm.

- Bảo đảm việc khai thác, sử dụng và chia sẻ dữ liệu tuân thủ các quy định của pháp luật về dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân và an ninh mạng.

6. Phát triển hạ tầng số và bảo đảm điều kiện kỹ thuật

- Tiếp tục đầu tư, nâng cấp hạ tầng số, hạ tầng công nghệ thông tin của các cơ quan nhà nước; bảo đảm đáp ứng yêu cầu kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu và cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

- Phối hợp với Bộ, ngành Trung ương rà soát, cập nhật, cấu hình Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh để phù hợp triển khai Nghị quyết số 66.22/2026/NQ-CP; bảo đảm việc tính toán, thu phí, lệ phí chính xác, kịp thời và đúng quy định.

- Phối hợp triển khai tích hợp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng trên ứng dụng VNeID theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Công an; tạo điều kiện để người dân sử dụng chữ ký số công cộng trong thực hiện thủ tục hành chính.

- Phát triển hạ tầng thanh toán số, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân thực hiện thanh toán phí, lệ phí, nghĩa vụ tài chính và các giao dịch hợp pháp khác bằng phương thức điện tử.

7. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức và kỹ năng số cho người dân

- Tổ chức tuyên truyền sâu rộng về mục đích, ý nghĩa, quyền lợi, trách nhiệm của công dân số; các chính sách khuyến khích của Nhà nước theo Nghị quyết số 66.22/2026/NQ-CP; lợi ích của việc sử dụng tài khoản định danh điện tử, ứng dụng VNeID, chữ ký số công cộng, thanh toán điện tử và dịch vụ công trực tuyến.

- Đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền theo hướng đa dạng, linh hoạt, phù hợp với từng nhóm đối tượng; kết hợp giữa tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, môi trường mạng, nền tảng số với tuyên truyền trực tiếp tại cơ sở; phát huy hiệu quả hệ thống truyền thanh cơ sở, Cổng thông tin điện tử, mạng xã hội chính thống của các cơ quan nhà nước.

- Phát huy vai trò của lực lượng Công an, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; Tổ công nghệ số cộng đồng, Đoàn Thanh niên, Hội Liên hiệp Phụ nữ,... trong tuyên truyền, hướng dẫn người dân cài đặt, kích hoạt, sử dụng ứng dụng VNeID và các tiện ích công dân số.

- Tổ chức các lớp tập huấn, hướng dẫn kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân; xây dựng đội ngũ tuyên truyền viên, hướng dẫn viên về công dân số tại cơ sở; từng bước hình thành văn hóa số, kỹ năng số và thói quen sử dụng dịch vụ số trong xã hội.

- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Công dân số Việt Nam (15 tháng 10 hằng năm) gắn với các hoạt động chuyển đổi số, cải cách hành chính và Đề án 06 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh.

8. Hỗ trợ các nhóm đối tượng ưu tiên tiếp cận và sử dụng công dân số

- Triển khai các giải pháp hỗ trợ người cao tuổi, người khuyết tật, đồng bào dân tộc thiểu số, hộ nghèo, hộ cận nghèo, người sinh sống tại vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn và các đối tượng yếu thế tiếp cận, sử dụng các dịch vụ số và tiện ích trên ứng dụng VNeID.

- UBND cấp xã chỉ đạo các lực lượng như: Công an cấp xã, Tổ công nghệ số cộng đồng, các tổ chức đoàn thể trực tiếp hướng dẫn người dân đăng ký, kích hoạt tài khoản định danh điện tử, tích hợp giấy tờ, sử dụng chữ ký số công cộng, thanh toán điện tử và thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

- Khuyến khích các doanh nghiệp viễn thông, ngân hàng, doanh nghiệp công nghệ số và các tổ chức cung cấp sản phẩm, dịch vụ số trên địa bàn tỉnh

triển khai các chương trình hỗ trợ thiết bị, tài khoản thanh toán, dịch vụ số hoặc các hình thức ưu đãi khác nhằm tạo điều kiện thuận lợi để người dân tham gia môi trường số.

- Tiếp tục phát huy hiệu quả hoạt động của các **Tổ công nghệ số cộng đồng**, bảo đảm mỗi thôn, tổ dân phố có lực lượng nòng cốt hỗ trợ người dân trong tiếp cận và sử dụng các nền tảng số, dịch vụ số và các tiện ích công dân số.

9. Bảo đảm an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân

- Triển khai đồng bộ các giải pháp bảo đảm an ninh mạng đối với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và các hệ thống thông tin phục vụ phát triển công dân số; thực hiện giám sát, cảnh báo, phòng ngừa và xử lý kịp thời các nguy cơ mất an ninh mạng.

- Thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân; bảo đảm việc thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng dữ liệu đúng mục đích, đúng thẩm quyền, không để xảy ra lộ, lọt hoặc sử dụng trái phép dữ liệu cá nhân của người dân.

- Thường xuyên tổ chức kiểm tra, đánh giá mức độ đảm bảo an ninh mạng đối với các hệ thống thông tin; xây dựng phương án dự phòng, ứng cứu sự cố, bảo đảm duy trì hoạt động thông suốt, liên tục của các hệ thống phục vụ người dân.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến kiến thức, kỹ năng bảo đảm an ninh mạng cho cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân; nâng cao cảnh giác trước các hành vi lừa đảo trên không gian mạng, giả mạo ứng dụng, giả mạo cơ quan nhà nước và các hình thức chiếm đoạt dữ liệu cá nhân.

10. Bảo đảm nguồn lực và tăng cường phối hợp trong tổ chức thực hiện

- Các sở, ban, ngành, đơn vị và UBND cấp xã chủ động bố trí kinh phí trong dự toán ngân sách được giao hằng năm và huy động các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện các nhiệm vụ phát triển công dân số theo quy định của pháp luật.

- Ưu tiên bố trí kinh phí để nâng cấp hạ tầng số, hoàn thiện các hệ thống thông tin, triển khai các nền tảng số, tổ chức tập huấn, tuyên truyền, hỗ trợ người dân và bảo đảm an ninh mạng.

- Tăng cường phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương trong kết nối, chia sẻ dữ liệu, triển khai các nền tảng số dùng chung và tích hợp các tiện ích trên ứng dụng VNeID theo lộ trình của Chính phủ và Bộ Công an.

- Khuyến khích doanh nghiệp viễn thông, doanh nghiệp công nghệ số, tổ chức tín dụng, doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ số tham gia đầu tư, cung cấp dịch vụ, triển khai các chương trình ưu đãi, đồng hành cùng tỉnh trong phát triển công dân số.

11. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Kế hoạch tại các sở, ban, ngành, đơn vị và UBND cấp xã; kịp thời phát hiện, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và xử lý các tồn tại, hạn chế trong quá trình thực hiện.
- Định kỳ đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ; gắn kết quả thực hiện với công tác cải cách hành chính, chuyển đổi số, Đề án 06 và việc đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, người đứng đầu.
- Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu; bảo đảm số liệu đầy đủ, chính xác, kịp thời phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh và báo cáo Bộ Công an.
- Tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện Nghị quyết 66.22/2026/NQ-CP; biểu dương, khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc; đồng thời chấn chỉnh, xử lý trách nhiệm đối với các cơ quan, đơn vị chậm triển khai hoặc không hoàn thành nhiệm vụ được giao theo quy định.

(Có Phụ lục các nhiệm vụ của Kế hoạch kèm theo)

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Công an tỉnh

- Là cơ quan thường trực, chủ trì tham mưu UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện tại các sở, ban, ngành, đơn vị, UBND cấp xã; định kỳ tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện, tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Công an và Chính phủ theo quy định.
- Phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh với Hệ thống định danh và xác thực điện tử; bảo đảm việc xác định đối tượng được hưởng chính sách khuyến khích công dân số được thực hiện tự động, chính xác và thông suốt.
- Theo dõi, đánh giá tình hình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ trực tuyến của ngành Công an; đánh giá hiệu quả thực hiện chính sách của Nghị quyết số 66.22/2026/NQ-CP (*số người được miễn, giảm phí, lệ phí; số tiền được miễn, giảm, ...*) đối với các thủ tục do ngành quản lý.
- Chủ trì hướng dẫn lực lượng Công an cấp xã triển khai các giải pháp phát triển công dân số; đẩy mạnh cấp, kích hoạt tài khoản định danh điện tử mức độ 2; hướng dẫn người dân tích hợp giấy tờ, sử dụng ứng dụng VNeID, chữ ký số công cộng và các tiện ích số.
- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan kiểm tra, đánh giá, giám sát an ninh mạng đối với các hệ thống thông tin phục vụ triển khai Nghị quyết số 66.22/2026/NQ-CP; hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh mạng theo quy định.
- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Công dân số Việt

Nam (ngày 15 tháng 10 hằng năm), gắn với tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng VNeID, dịch vụ công trực tuyến và các tiện ích số.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch; kịp thời phát hiện, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

2. Văn phòng UBND tỉnh

- Chủ trì rà soát, tái cấu trúc quy trình giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền của tỉnh; phối hợp với các sở, ngành chuẩn hóa quy trình điện tử, biểu mẫu điện tử, bảo đảm việc giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử theo hướng dẫn của Trung ương.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ, ngành Trung ương cập nhật, cấu hình Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh đáp ứng yêu cầu của Nghị quyết số 66.22/2026/NQ-CP.

- Theo dõi, đánh giá tình hình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ trực tuyến; đánh giá hiệu quả thực hiện chính sách của Nghị quyết số 66.22/2026/NQ-CP (*số người được miễn, giảm phí, lệ phí; số tiền được miễn, giảm, ...*); tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến và cải thiện mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì tham mưu UBND tỉnh triển khai các nhiệm vụ về hạ tầng số, nền tảng số, dữ liệu số và phối hợp với Công an tỉnh bảo đảm an ninh mạng phục vụ phát triển công dân số.

- **Chủ trì**, phối hợp với Công an tỉnh và các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng để hướng dẫn cho người dân trên địa bàn tỉnh cài đặt và sử dụng chữ ký số trên ứng dụng VNeID để phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến ngay khi có hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công an.

4. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh bảo đảm kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

- Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị xây dựng dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ phát triển công dân số theo quy định.

- Phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh trong việc triển khai chính sách miễn, giảm phí, lệ phí theo Nghị quyết 66.22/2026/NQ-CP; theo dõi, đánh giá việc thực hiện và kịp thời tham mưu UBND tỉnh xử lý những khó khăn, vướng mắc phát sinh.

5. Sở Tư pháp

- Chủ trì thực hiện số hóa, chuẩn hóa, kết nối và chia sẻ dữ liệu hộ tịch theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp.
- Phối hợp với Công an tỉnh triển khai tích hợp thông tin hộ tịch trên ứng dụng VNeID theo lộ trình của Chính phủ.
- Rà soát TTHC thuộc lĩnh vực tư pháp; tham mưu đơn giản hóa thành phần hồ sơ, tăng cường tái sử dụng dữ liệu điện tử trong giải quyết TTHC.

6. Sở Y tế

- Chủ trì triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu khám bệnh, chữa bệnh; phát triển và khai thác hiệu quả Sổ sức khỏe điện tử phục vụ người dân trên ứng dụng VNeID.
- Chỉ đạo các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh tăng cường sử dụng dữ liệu số, hạn chế yêu cầu người dân xuất trình giấy tờ khi dữ liệu đã được xác thực trên hệ thống.
- Phối hợp với Công an tỉnh, các cơ quan liên quan tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng Sổ sức khỏe điện tử và các tiện ích y tế số.

7. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu văn bằng, chứng chỉ thuộc hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến kiến thức, kỹ năng số; hướng dẫn học sinh, sinh viên, giáo viên sử dụng các nền tảng số và tiện ích trên ứng dụng VNeID.
- Phối hợp triển khai thanh toán học phí không dùng tiền mặt và các dịch vụ giáo dục số.

8. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Đẩy mạnh thực hiện tích hợp thông tin Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lên VNeID; chủ trì triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu đất đai theo lộ trình của Trung ương.
- Rà soát, tái cấu trúc TTHC lĩnh vực đất đai theo hướng khai thác dữ liệu điện tử, giảm giấy tờ phải nộp và tăng cường thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

9. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Tổ chức lồng ghép các nội dung tuyên truyền về quyền lợi, trách nhiệm của công dân số và văn hóa số trong các hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch.
- Phối hợp với Báo và Phát thanh, Truyền hình Thanh Hóa hướng dẫn các cơ quan báo chí, hệ thống truyền thanh cơ sở xây dựng các chuyên trang, chuyên mục, phóng sự, tin, bài tuyên truyền về công dân số.

10. Thuế tỉnh Thanh Hoá

- Phối hợp triển khai tích hợp dữ liệu mã số thuế cá nhân theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.
- Phối hợp triển khai các giải pháp thanh toán điện tử, hóa đơn điện tử và các tiện ích số trong lĩnh vực thuế phục vụ người dân.

11. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh khu vực 7 và các tổ chức tín dụng

- Khuyến khích các chi nhánh ngân hàng triển khai các chính sách miễn, giảm phí dịch vụ theo thẩm quyền nhằm thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn, góp phần phát triển công dân số.
- Chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn tích cực phối hợp với chính quyền địa phương, hỗ trợ người dân mở tài khoản nhận an sinh xã hội và liên kết tài khoản ngân hàng với ứng dụng VNeID.

12. Bảo hiểm xã hội tỉnh

- Phối hợp triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu an sinh xã hội, dữ liệu bảo hiểm phục vụ tích hợp trên ứng dụng VNeID.
- Đẩy mạnh chi trả các chế độ an sinh xã hội qua tài khoản; hướng dẫn người dân sử dụng các tiện ích số trong lĩnh vực bảo hiểm.

13. Báo và Phát thanh, Truyền hình Thanh Hóa

Xây dựng các trang, chuyên mục; tăng thời lượng tuyên truyền về phát triển công dân số; giới thiệu các mô hình hay, cách làm hiệu quả; kịp thời phản ánh những khó khăn, vướng mắc và biểu dương các tập thể, cá nhân tiêu biểu.

14. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội

Phối hợp tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực tham gia phát triển công dân số; phát huy vai trò giám sát trong quá trình triển khai Kế hoạch; huy động lực lượng đoàn viên, hội viên tham gia hướng dẫn người dân sử dụng các tiện ích số.

15. UBND cấp xã

- Xây dựng kế hoạch triển khai phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương; chịu trách nhiệm toàn diện về kết quả phát triển công dân số trên địa bàn.
- Chỉ đạo lực lượng Công an cấp xã, công chức chuyên môn và Tổ công nghệ số cộng đồng trực tiếp hỗ trợ người dân đăng ký, kích hoạt tài khoản định danh điện tử, tích hợp giấy tờ, sử dụng ứng dụng VNeID và thực hiện dịch vụ công trực tuyến.
- Định kỳ đánh giá kết quả thực hiện; kịp thời báo cáo UBND tỉnh (qua Công an tỉnh) những khó khăn, vướng mắc phát sinh.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bảo đảm từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành; nguồn kinh phí thực hiện các chương trình, đề án, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các nguồn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Các sở, ban, ngành, đơn vị, UBND cấp xã căn cứ nhiệm vụ được giao, chủ động xây dựng dự toán kinh phí gửi cơ quan tài chính cùng cấp tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định.

3. Khuyến khích huy động các nguồn lực xã hội hóa; tăng cường hợp tác với doanh nghiệp viễn thông, doanh nghiệp công nghệ số, tổ chức tín dụng và các tổ chức, cá nhân để hỗ trợ triển khai các nhiệm vụ phát triển công dân số trên địa bàn tỉnh.

VI. CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO

1. Các sở, ban, ngành, đơn vị, UBND cấp xã căn cứ chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tế để xây dựng Kế hoạch triển khai đảm bảo cụ thể, khả thi, có trọng tâm, trọng điểm, chịu trách nhiệm toàn diện về kết quả phát triển công dân số tại cơ quan, đơn vị; định kỳ **trước ngày 15 hằng tháng** (hoặc đột xuất khi có yêu cầu) gửi báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh (qua Công an tỉnh) để tổng hợp, báo cáo.

2. Giao Công an tỉnh chủ trì tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Công an và Chính phủ theo quy định; đồng thời tham mưu sơ kết, tổng kết và đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện.

UBND tỉnh yêu cầu các đơn vị triển khai nghiêm túc Kế hoạch. Quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc báo cáo về UBND tỉnh (qua Công an tỉnh) để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Bộ Công an (để b/c);
- Thường trực Tỉnh uỷ (để b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các VP: Tỉnh uỷ, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các Ban của Đảng;
- Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh;
- UB MTTQ VN tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Thanh Hóa;
- UBND các xã, phường;
- Lưu VT, HCC, NNMT (M.Cường).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Cao Văn Cường

Phụ lục
DANH MỤC NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 66.22/2026/NQ-CP
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /8/2026 của UBND tỉnh Thanh Hoá)

STT	Nội dung nhiệm vụ	Sản phẩm	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
I	NHÓM NHIỆM VỤ VỀ CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH					
1	Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 66.22/2026/NQ-CP trên địa bàn tỉnh	Kế hoạch của UBND tỉnh.	Công an tỉnh (PC06)	Văn phòng UBND tỉnh, các sở, ngành.	Trước ngày 22/8/2026.	
2	Quản triệt và ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện của các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp xã.	Kế hoạch của từng cơ quan, đơn vị.	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Công an tỉnh.	Trong tháng 8/2026.	
II	NHÓM NHIỆM VỤ RÀ SOÁT, TÁI CẤU TRÚC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH					
3	Rà soát toàn bộ thủ tục hành chính thuộc Phụ lục II, Phụ lục III của Nghị quyết số 66.22/2026/NQ-CP; trong đó tập trung rà soát thành phần hồ sơ của từng thủ tục hành chính để khai thác dữ liệu điện tử thay thế giấy tờ	Danh mục TTHC được rà soát.	Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh)	Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh.	Trước 15/9/2026	
4	Tích hợp phương thức sử dụng chữ ký số công cộng trên ứng dụng định danh quốc gia để ký số trên các biểu mẫu, tờ khai đối với thủ tục thực hiện trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh	Biểu mẫu điện tử.	Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh).	Các Bộ, ngành Trung ương; Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh.	Thực hiện theo Kế hoạch của Bộ Công an sau khi có hướng dẫn cụ thể.	

III.	NHÓM NHIỆM VỤ NÂNG CẤP HỆ THỐNG THÔNG TIN, KẾT NỐI DỮ LIỆU					
5	Phối hợp với Bộ, ngành Trung ương cập nhật, cấu hình Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh đáp ứng yêu cầu của Nghị quyết số 66.22/2026/NQ-CP.	Hệ thống được nâng cấp	Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh).	Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh	Theo lộ trình của Trung ương.	
6	Đánh giá, bảo đảm an ninh mạng Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh đáp ứng yêu cầu của Nghị quyết số 66.22/2026/NQ-CP.	Báo cáo đánh giá an toàn thông tin.	Công an tỉnh (PA05)	Sở Khoa học và Công nghệ, Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan.	Thường xuyên.	
7	Kết nối, khai thác dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành theo phân cấp.	Kết quả chia sẻ, kết nối dữ liệu.	Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh).	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan.	Sau khi có hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương.	
8	Phối hợp với Bộ, ngành Trung ương triển khai, khai thác chữ ký số công cộng trên ứng dụng VNeID phục vụ thực hiện dịch vụ công trực tuyến, thủ tục hành chính.	Kết quả tích hợp, kết nối, khai thác.	Sở Khoa học và Công nghệ.	Công an tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan.	Theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công an.	
IV	NHÓM NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN CÔNG DÂN SỐ, TÍCH HỢP THÔNG TIN TRÊN ỨNG DỤNG VNeID					
9	Ban hành danh mục các dịch vụ, tiện ích số tích hợp, triển khai trên ứng dụng VNeID	Danh mục được ban hành	Công an tỉnh (PC06)	Các sở, ban, ngành, địa phương.	Theo hướng dẫn của Bộ Công an.	

10	Hướng dẫn cho người dân trên địa bàn tỉnh cài đặt và sử dụng chữ ký số trên ứng dụng VNeID.	Phần đầu 45% người dân trong độ tuổi trưởng thành có chữ ký số khi kết thúc Kế hoạch.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng; UBND cấp xã, các tổ chức đoàn thể.	Thực hiện cao điểm trong thời gian Nghị quyết có hiệu lực và duy trì thực hiện thường xuyên.	
11	Tổ chức cao điểm tuyên truyền, hướng dẫn người dân cấp, kích hoạt tài khoản định danh điện tử mức độ 2.	100% người dân đủ điều kiện được cấp, kích hoạt tài khoản định danh điện tử mức độ 2.	Công an tỉnh (PC06)	UBND cấp xã, các tổ chức đoàn thể.	Thực hiện cao điểm trong thời gian Nghị quyết có hiệu lực và duy trì thực hiện thường xuyên.	
12	Hướng dẫn người dân tích hợp Giấy khai sinh trên VNeID.	Báo cáo kết quả.	Sở Tư pháp	UBND cấp xã, các tổ chức đoàn thể.	Theo lộ trình của Trung ương.	
13	Hướng dẫn người dân tích hợp, cập nhật thông tin Thẻ ngân hàng/Tài khoản thanh toán/Ví điện tử/Tài khoản Tiền di động lên VNeID.	Báo cáo kết quả.	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh khu vực 7.	Các Ngân hàng thương mại, doanh nghiệp trung gian thanh toán; UBND cấp xã; các tổ chức, đoàn thể.	Thực hiện cao điểm trong thời gian Nghị quyết có hiệu lực và duy trì thực hiện thường xuyên.	
14	Hướng dẫn người dân tích hợp, cập nhật tài khoản an sinh xã hội lên VNeID.	Phần đầu toàn tỉnh đạt 1 triệu tài khoản khi kết thúc Kế hoạch.	Công an tỉnh (PC06).	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh khu vực 7; các đơn vị có liên quan; UBND cấp xã, các tổ chức, đoàn thể.	Thực hiện cao điểm trong thời gian Nghị quyết có hiệu lực và duy trì thực hiện thường xuyên.	

15	Hướng dẫn người dân cập nhật thông tin số thuê bao di động trên VNeID.	100% được cập nhật.	Sở Khoa học và Công nghệ.	Doanh nghiệp viễn thông; UBND cấp xã, các tổ chức, đoàn thể.	Thực hiện cao điểm trong thời gian Nghị quyết có hiệu lực và duy trì thực hiện thường xuyên.	
16	Hướng dẫn người dân tích hợp Sổ sức khỏe điện tử trên VNeID.	Phấn đấu mỗi người dân có 01 sổ sức khỏe điện tử.	Sở Y tế.	Các cơ sở khám, chữa bệnh; UBND cấp xã, các tổ chức, đoàn thể.	Thực hiện cao điểm trong thời gian Nghị quyết có hiệu lực và duy trì thực hiện thường xuyên.	
17	Triển khai tích hợp Giấy phép lái xe, Chứng nhận đăng ký xe trên VNeID.	Báo cáo kết quả.	Công an tỉnh (PC08).	UBND cấp xã, các tổ chức, đoàn thể.	Thực hiện cao điểm trong thời gian Nghị quyết có hiệu lực và duy trì thực hiện thường xuyên.	
18	Triển khai tích hợp thông tin văn bằng, chứng chỉ trên VNeID.	Báo cáo kết quả.	Sở Giáo dục và Đào tạo.	Công an tỉnh; các cơ sở giáo dục; UBND cấp xã, các tổ chức, đoàn thể.	Theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	
19	Triển khai tích hợp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trên VNeID.	Báo cáo kết quả.	Sở Nông nghiệp và Môi trường.	Các đơn vị liên quan; UBND cấp xã, các tổ chức, đoàn thể.	Theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	
20	Triển khai tích hợp thông tin lý lịch tư pháp trên VNeID.	Báo cáo kết quả.	Công an tỉnh (PV06).	Các đơn vị liên quan; UBND cấp xã, các tổ	Theo hướng dẫn của Bộ Công an.	

				chức, đoàn thể.		
21	Triển khai tích hợp Giấy đăng ký kết hôn trên VNeID.	Báo cáo kết quả.	Sở Tư pháp.	Các đơn vị liên quan; UBND cấp xã, các tổ chức, đoàn thể	Theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp.	
22	Triển khai tích hợp mã số thuế cá nhân trên VNeID.	Báo cáo kết quả.	Thuế tỉnh Thanh Hoá	Các đơn vị liên quan; UBND cấp xã, các tổ chức, đoàn thể	Theo hướng dẫn của Trung ương.	
23	Triển khai tích hợp hộ chiếu trên VNeID.	Báo cáo kết quả.	Công an tỉnh (PA08)	Các đơn vị liên quan; UBND cấp xã, các tổ chức, đoàn thể.	Theo hướng dẫn của Trung ương.	
V	NHÓM NHIỆM VỤ TUYÊN TRUYỀN					
24	Tổ chức tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn công dân về các chính sách ưu đãi, quyền lợi và cách thức thực hiện dịch vụ công theo quy định tại Nghị quyết số 66.22/2026/NQ-CP.	Nội dung tuyên truyền.	Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương	Các đơn vị có liên quan.	Thực hiện ngay khi Nghị quyết có hiệu lực.	
25	Tuyên truyền trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và các sở, ban, ngành, đơn vị.	Tin, bài.	Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương.	Các đơn vị có liên quan.	Thực hiện ngay khi Nghị quyết có hiệu lực.	
26	Xây dựng chuyên mục trên Báo và Phát thanh, Truyền hình Thanh Hóa.	Chuyên mục.	Báo và PT, TH Thanh Hóa.	Các đơn vị có liên quan.	Thực hiện ngay khi Nghị quyết có hiệu lực.	
27	Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Công dân số Việt Nam (15/10).	Báo cáo kết quả.	Công an tỉnh.	Các sở, ngành, đơn vị, địa phương.	10/2026.	
28	Tuyên truyền, hướng dẫn người dân trực tiếp	Báo cáo	UBND cấp xã.	Tổ công nghệ số	Tập trung trong	

	tại thôn, tổ dân phố thông qua Tổ công nghệ số cộng đồng.	kết quả.		cộng đồng; các tổ chức, đoàn thể.	cao điểm và duy trì thường xuyên.	
VI	NHÓM NHIỆM VỤ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG, HƯỚNG DẪN					
29	Tổ chức tập huấn cán bộ trực tiếp giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, cấp xã; hướng dẫn sử dụng chữ ký số công cộng trên VNeID phục vụ giải quyết TTHC.	Kết quả tập huấn.	Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh).	Sở Khoa học và Công nghệ; UBND cấp xã và các đơn vị có liên quan.	Thường xuyên.	
30	Tổ chức tập huấn cho các tổ chức, đoàn thể, Tổ Công nghệ số cộng đồng cách thức tích hợp các loại giấy tờ trên VNeID; ưu tiên 5 loại Giấy tờ cơ bản theo Phụ lục I của Nghị quyết số 66.22/2026/NQ-CP.	Kết quả tập huấn.	Công an cấp xã chủ trì tham mưu cho UBND cấp xã thực hiện.	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan.	Ngay khi Kế hoạch được ban hành.	
VII	NHÓM NHIỆM VỤ HỖ TRỢ CÁC NHÓM ĐỐI TƯỢNG ƯU TIÊN					
31	Hỗ trợ người khuyết tật tiếp cận các tiện ích công dân số.	Báo cáo kết quả	Sở Y tế	Sở Nội vụ, Hội Người khuyết tật; UBND cấp xã	Thường xuyên.	
32	Tổ chức hướng dẫn đồng bào dân tộc thiểu số sử dụng tài khoản định danh điện tử và dịch vụ công trực tuyến.	Báo cáo kết quả	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Công an tỉnh, UBND cấp xã	Thường xuyên.	
33	Tổ chức các đợt hỗ trợ lưu động tại vùng sâu, vùng xa, miền núi; hỗ trợ người già, yếu.	Báo cáo kết quả	UBND cấp xã	Các tổ chức, đoàn thể, Tổ công nghệ số cộng đồng	Thường xuyên.	
34	Duy trì hoạt động của Tổ công nghệ số cộng	Báo cáo	UBND cấp xã	Sở Khoa học và	Thường xuyên.	

	đồng trong hỗ trợ người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến, tích hợp giấy tờ lên VNeID.	kết quả		Công nghệ, Công an tỉnh		
VIII	NHÓM NHIỆM VỤ BẢO ĐẢM AN NINH MẠNG VÀ BẢO VỆ DỮ LIỆU CÁ NHÂN					
35	Đánh giá an toàn an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân đối với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh sau khi được Trung ương hướng dẫn cập nhật, hoàn thiện phục vụ triển khai Nghị quyết số 66.22/2026/NQ-CP.	Báo cáo kết quả	Công an tỉnh (PA05)	Sở Khoa học và công nghệ; Văn phòng UBND tỉnh và các đơn vị có liên quan.	Ngay sau khi hệ thống được cập nhật, hoàn thiện.	
36	Tuyên truyền kỹ năng phòng, chống lừa đảo trên không gian mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân.	Báo cáo kết quả.	Công an tỉnh (PA05).	Các đơn vị có liên quan	Thường xuyên.	
IX	NHÓM NHIỆM VỤ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC					
37	Bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch theo phân cấp ngân sách.	Dự toán kinh phí, quyết định giao dự toán.	Sở Tài chính	Các sở, ngành, đơn vị, địa phương	Theo đề xuất.	
38	Khuyến khích các Chi nhánh ngân hàng triển khai các chính sách miễn, giảm phí dịch vụ theo thẩm quyền nhằm thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn, góp phần phát triển công dân số.	Báo cáo kết quả.	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh khu vực 7.	Các Chi nhánh Ngân hàng thương mại.	Thường xuyên.	
39	Khuyến khích doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ số tham gia các chương trình	Biên bản phối hợp, chương	Sở Khoa học	Hiệp hội doanh nghiệp, các doanh	Thường xuyên.	

	ưu đãi đối với công dân số theo Nghị quyết số 66.22/2026/NQ-CP.	trình ưu đãi.	và Công nghệ.	ngành số.		
X	NHÓM NHIỆM VỤ KIỂM TRA, GIÁM SÁT					
40	Tổ chức kiểm tra chuyên đề đối với các sở, ngành và UBND cấp xã.	Biên bản kiểm tra	Công an tỉnh	Các cơ quan liên quan.	Định kỳ hoặc đột xuất.	
41	Kiểm tra việc áp dụng chính sách miễn, giảm phí, lệ phí theo Nghị quyết số 66.22/2026/NQ-CP.	Báo cáo kiểm tra	Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh).	Sở Tài chính, Công an tỉnh.	Trong Quý IV/2026.	
XI	NHÓM NHIỆM VỤ BÁO CÁO, ĐÁNH GIÁ					
42	Đánh giá hiệu quả thực hiện chính sách của Nghị quyết số 66.22/2026/NQ-CP (<i>số người được miễn, giảm phí, lệ phí; số tiền được miễn, giảm</i>).	Báo cáo đánh giá.	Văn phòng UBND tỉnh; Công an tỉnh.	các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan.	Định kỳ trước 15 hằng tháng.	
43	Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về tình hình triển khai Nghị quyết số 66.22/2026/NQ-CP.	Báo cáo quý.	Các sở, ngành, đơn vị, UBND cấp xã.	Công an tỉnh và các đơn vị liên quan.	Định kỳ trước 15 hằng tháng.	
44	Tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Công an, Chính phủ kết quả thực hiện Nghị quyết số 66.22/2026/NQ-CP.	Báo cáo của UBND tỉnh.	Công an tỉnh (PC06)	Văn phòng UBND tỉnh, các sở, ngành, đơn vị, địa phương.	Theo quy định.	
45	Tiến hành sơ kết, tổng kết việc thực hiện Kế hoạch.	Báo cáo kết quả.	Công an tỉnh (PC06)	Văn phòng UBND tỉnh, các sở, ngành, địa phương.	Theo quy định.	